

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
VIỄN ĐÔNG**

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-26
7. PHỤ LỤC	27-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 9 năm 2010.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công, mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại - nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở).

Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

Vốn điều lệ: 87.000.000.000 đồng (Tám mươi bảy tỷ đồng).

Mã chứng khoán niêm yết: SVT.

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch
Ông Võ Nguyên Khôi	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Khoa	Thành viên
Ông Bùi Nam Long	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ông	Bùi Quang Minh	Thành viên
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Ông	Bùi Nam Long	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thế Phương	Giám đốc sản xuất
Ông	Võ Văn Hải	Giám đốc kinh doanh
Bà	Mai Thị Trúc Giang	Giám đốc tài chính
Ông	Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Bông	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Võ Trần Quốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

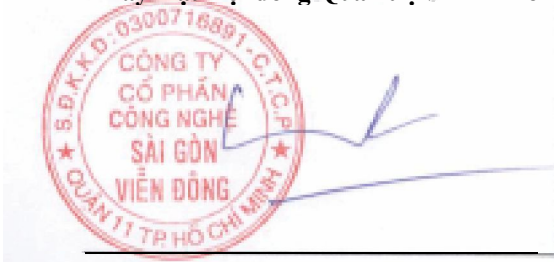
6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



BÙI NAM LONG

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 21 tháng 02 năm 2011 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ
Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trương Diệu Thúy
Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		68,314,172,367	60,997,844,924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	225,789,124	1,408,211,537
1. Tiền	111		225,789,124	1,408,211,537
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48,571,181,936	37,753,983,387
1. Phải thu của khách hàng	131		40,332,256,878	37,453,810,348
2. Trả trước cho người bán	132		6,620,101,285	40,676,814
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	1,618,823,773	259,496,225
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	19,179,731,750	21,085,162,423
1. Hàng tồn kho	141		19,179,731,750	21,085,162,423
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		337,469,557	750,487,577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		229,469,557	442,413,931
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	267,673,646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	108,000,000	40,400,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		82,704,501,608	74,018,447,691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24,619,922,324	16,289,235,881
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2,808,795,665	3,274,900,248
- Nguyên giá	222		11,616,976,863	11,471,333,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,808,181,198)	(8,196,433,115)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	11,733,329	24,533,333
- Nguyên giá	228		241,351,000	241,351,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(229,617,671)	(216,817,667)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	21,799,393,330	12,989,802,300
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	57,996,902,652	57,687,719,452
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33,225,000,000	1,666,728,800
3. Đầu tư dài hạn khác	258		31,502,511,652	59,102,511,652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(6,730,609,000)	(3,081,521,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		87,676,632	41,492,358
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87,676,632	41,492,358
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		151,018,673,975	135,016,292,615

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		40,934,079,327	28,408,562,319
I. Nợ ngắn hạn	310		29,609,036,719	20,850,361,328
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	6,546,699,022	200,841,111
2. Phải trả cho người bán	312		15,215,730,182	17,300,950,270
3. Người mua trả tiền trước	313		3,944,590,700	98,183,344
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1,388,630,173	725,451,406
5. Phải trả người lao động	315		-	394,374,167
6. Chi phí phải trả	316	V.11	209,510,052	15,140,463
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1,948,777,182	1,588,126,972
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		355,099,408	527,293,595
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11,325,042,608	7,558,200,991
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	11,325,042,608	7,558,200,991
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		110,084,594,648	106,607,730,296
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	110,084,594,648	106,607,730,296
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87,000,000,000	87,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,800,000,000	4,800,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(146,882,984)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,526,899,032	3,526,899,032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,637,807,534	1,130,279,969
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13,266,771,066	10,150,551,295
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		151,018,673,975	135,016,292,615

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		100.41	200.67
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tổng Giám đốc



BUI NAM LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	229,248,136,473	225,295,828,248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	593,329,647	296,659,037
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228,654,806,826	224,999,169,211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	215,782,199,924	209,945,352,176
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12,872,606,902	15,053,817,035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	2,575,774,628	2,311,648,101
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	4,203,949,905	354,286,534
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		434,464,037	75,148,693
8. Chi phí bán hàng	24	VI.20	3,882,722,585	2,561,196,283
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	3,753,826,310	2,413,234,955
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		3,607,882,730	12,036,747,364
11. Thu nhập khác	31	VI.22	969,658,176	990,338,176
12. Chi phí khác	32	VI.23	238,453,346	240,304,992
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		731,204,830	750,033,184
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4,339,087,560	12,786,780,548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	613,834,711	2,636,229,252
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3,725,252,849	10,150,551,296
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	428	1,226

Tp. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tổng Giám đốc



BUI NAM LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4,339,087,560	12,786,780,548
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	624,548,087	621,383,987
- Các khoản dự phòng	03	3,649,088,000	166,921,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(146,995,400)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,573,288,283)	(2,250,000,000)
- Chi phí lãi vay	06	434,464,037	75,148,693
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6,326,904,001	11,400,234,228
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(10,617,124,903)	(8,327,612,033)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	1,905,430,673	8,439,868,975
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	2,225,669,508	(31,700,481,960)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	166,760,100	(41,492,358)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(406,097,368)	(75,148,693)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(282,859,221)	(3,382,602,462)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(273,699,700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(955,016,910)	(23,687,234,303)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8,955,234,530)	(225,600,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	(800,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	800,000,000	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(5,008,271,200)	(8,558,219,000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	3,045,000,000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	578,288,283	2,250,000,000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(10,340,217,447)	(6,533,819,000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	28,800,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17,806,003,568	8,955,677,657
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7,693,304,040)	(2,200,841,111)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6,306,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10,112,699,528	29,248,236,546
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50	(1,182,534,829)	(972,816,757)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,408,211,537	2,381,028,294
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	112,416	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	225,789,124	1,408,211,537

Tp. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng


VÕ TRẦN QUỐC

Tổng Giám đốc

**BÙI NAM LONG**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 9 năm 2010.

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ: 87.000.000.000 đồng (Tám mươi bảy tỷ đồng).

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.**4. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công, mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại - nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở).

Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyên giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

Thông tin về các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc bao gồm:

Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305072778 là: 50.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 40%

Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 40%.

Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ : 2.500.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 35%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt**

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306213397 là : 12.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 30%.

Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực

Trụ sở chính: 34 - 36 Phan Văn Trị, Phường 2, Quận 5, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301307242 là : 93.870.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 23,97%.

5. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 98 người.*Trong đó nhân viên quản lý 6 người.***II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.****Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>8 - 10 năm</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>2 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>3 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>8 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>6 năm</i>

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: **chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.**

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ là chi phí tiền điện sản xuất, quảng cáo, trích trước tiền thưởng đạt doanh số cho khách hàng và chi phí khác...

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh do các cổ đông góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động **đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...**; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 25%; Năm 2011 Công ty được hưởng ưu đãi thuế giảm 30% thuế TNDN theo Thông Tư 154/2011/TT_BTC ngày 11/11/2011 về một số giải pháp thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2011: 20.828 VNĐ/USD.

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC để xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá:

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày ở phần thuyết minh mục VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
--	-------------------	-------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tiền	225,789,124	1,408,211,537	
Tiền mặt	93,338,186	37,371,742	
Tiền gửi ngân hàng	132,450,938	1,370,839,795	
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>130,359,599</i>	<i>1,366,926,730</i>	
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	<i>100.41 USD</i>	<i>2,091,339</i>	
Cộng	225,789,124	1,408,211,537	
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011	
Kho bạc Nhà nước Tp. HCM	1,504,268,076	158,272,498	
Cao ốc căn hộ Tân Xuân	30,000,000	-	
Phải thu khác	84,555,697	101,223,727	
Cộng	1,618,823,773	259,496,225	
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011	
Nguyên liệu, vật liệu	2,141,919,593	2,513,696,765	
Công cụ, dụng cụ	798,706,469	667,911,530	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	146,027,208	192,085,011	
Thành phẩm	5,644,643,761	2,694,904,544	
Hàng hóa (*)	10,448,434,719	15,009,162,850	
Hàng gửi đi bán	-	7,401,723	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19,179,731,750	21,085,162,423	
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	19,179,731,750	21,085,162,423	
<i>(*) : Trong đó hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay 022/HĐTD/CN12/PGDTP với tổng giá trị là: 10.421.775.163 đồng.</i>			
4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011	
Tạm ứng	108,000,000	40,400,000	
Cộng	108,000,000	40,400,000	
5. Tài sản cố định hữu hình: Xem phụ lục 1 - trang 27			
6. Tài sản cố định vô hình			
Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
01/01/2011	25,600,000	215,751,000	241,351,000
<i>Tăng</i>	-	-	-
<i>Giảm</i>	-	-	-
31/12/2011	25,600,000	215,751,000	241,351,000
Giá trị hao mòn lũy kế			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

01/01/2011	1,066,667	215,751,000	216,817,667
Tăng	12,800,004	-	12,800,004
Giảm	-	-	-
31/12/2011	13,866,671	215,751,000	229,617,671
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	24,533,333	-	24,533,333
Số dư cuối kỳ	11,733,329	-	11,733,329

(*) *Ghi chú:*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 215.751.000 VND.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án		
<i>Siêu thị sách MetroBooks - Thẻ giới tuổi thơ tỉnh Hậu Giang</i>	2,682,036	-
<i>Công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ (*)</i>	21,796,711,294	12,989,802,300
Cộng	21,799,393,330	12,989,802,300

Công ty hiện đang thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mở rộng công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ tại 252 Lạc Long Quân, quận 11, TP. HCM với diện tích xây dựng trên 4.000 mét vuông. Tổng trị giá công trình này sẽ được kiểm toán báo cáo quyết toán đầu tư hoàn thành - Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000.

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Xem phụ lục 2, 3 - trang 28, 29

9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	6,345,857,911	-
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 12 - Tp.HCM</i>	237,461.97\$	4,945,857,911
<i>Nguyễn Thị Lương</i>	550,000,000	-
<i>Nguyễn Đức Hậu</i>	700,000,000	-
<i>Nguyễn Thanh Thủy</i>	150,000,000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	200,841,111	200,841,111
<i>Bộ Tài chính</i>	200,841,111	200,841,111
Cộng	6,546,699,022	200,841,111

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,040,744,100	709,768,610
Thuế giá trị gia tăng	314,637,612	-
Thuế thu nhập cá nhân	33,248,461	15,682,796
Cộng	1,388,630,173	725,451,406

11. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
Tiền điện sản xuất	32,903,052	15,140,463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trợ cấp thôi việc	37,107,000	-
Thù lao HĐQT	139,500,000	-
Cộng	209,510,052	15,140,463

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Kinh phí công đoàn	-	23,462,470
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10,112,680	-
Phải trả về Cổ phần hóa	4,664,502	4,664,502
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	950,000,000	950,000,000
Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ	974,000,000	600,000,000
Sầm Thái Sơn	10,000,000	10,000,000
Cộng	1,948,777,182	1,588,126,972

13. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vay dài hạn	10,923,360,385	6,955,677,657
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 12 - Tp.HCM</i>	<i>10,923,360,385</i>	<i>6,955,677,657</i>
Nợ dài hạn	401,682,223	602,523,334
<i>Bộ Tài chính (**)</i>	<i>401,682,223</i>	<i>602,523,334</i>
Cộng	11,325,042,608	7,558,200,991

Khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 12 - Tp.HCM như sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
<i>151/HĐTD (*)</i>	<i>8/7/2010</i>	<i>8/7/2017</i>	<i>Theo từng lần vay</i>	<i>Đảm bảo bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai</i>
<i>022/HĐTD/CN12/PGDTP</i>	<i>3/21/2011</i>	<i>3/21/2012</i>	<i>Theo từng lần vay</i>	<i>Đảm bảo bằng hàng hóa</i>

Ghi chú:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN 12 TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 151/HĐTD ngày 7/8/2010. Hạn mức vay: 31.500.000.000 đồng. Mục đích: vay đầu tư cho dự án xây dựng và mở rộng Trường THCS Việt Mỹ; Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ và biên độ tối thiểu 3,8%/ năm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Theo quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 02/07/2010 của UBND Tp. HCM thì Công ty được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh từ việc đầu tư xây dựng mở rộng Trường Việt Mỹ. Theo thông báo số 576/KBTPhCM-KSCNSNN ngày 06/07/2011 của Kho bạc Nhà nước Tp. HCM về việc thông báo kết quả kiểm soát, khoản cấp bù lãi vay đợt 1 (từ ngày 21/09/2010 đến ngày 25/03/2011) là 440.687.493 đồng.

(**) Khoản nợ dài hạn của Bộ Tài chính căn cứ vào công văn số 13237 - TC/TCĐN về việc thu hồi mặt bằng. Khoản vay tín chấp và không tính lãi vay. Mục đích vay: đầu tư, xây dựng dây chuyền sản xuất, lắp ráp lốp xe. Thời hạn thanh toán: 10 năm kể từ năm 2006, trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Khoản nợ sẽ được thanh toán hết vào năm 2014. Khoản tiền phải trả hàng năm cho Bộ Tài chính là: 200.841.111 đồng.

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem phụ lục 4 - trang 30**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2011	01/01/2011
<i>Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông</i>	33.27%	28,945,520,000	28,945,520,000
<i>Công ty CP Giấy Toàn Lực</i>	7.40%	6,441,000,000	6,441,000,000
<i>Các cổ đông khác</i>	59.33%	51,613,480,000	51,613,480,000
Cộng	100%	87,000,000,000	87,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	87,000,000,000	87,000,000,000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	87,000,000,000	63,000,000,000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	24,000,000,000
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	87,000,000,000	87,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6,306,600,000

d. Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,700,000	8,700,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,700,000	8,700,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8,700,000	8,700,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,700,000	8,700,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8,700,000	8,700,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10,000	10,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí tài chính khác	93,359,168	64,508,253
Cộng	4,203,949,905	354,286,534
20. Chi phí bán hàng	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nhân viên	1,132,252,551	995,102,570
Chi phí vật liệu, bao bì	21,658,078	1,535,958
Chi phí khấu hao TSCĐ	29,256,765	33,020,004
Chi phí bảo hành	1,481,244	1,011,208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,477,844,809	719,856,139
Chi phí bằng tiền khác	1,220,229,138	810,670,404
Cộng	3,882,722,585	2,561,196,283
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nhân viên quản lý	1,719,512,552	1,239,443,517
Chi phí đồ dùng văn phòng	92,578,197	52,732,407
Chi phí khấu hao TSCĐ	68,561,032	103,171,523
Thuế, phí và lệ phí	19,347,500	15,925,777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697,619,777	435,437,833
Chi phí bằng tiền khác	1,156,207,252	566,523,898
Cộng	3,753,826,310	2,413,234,955
22. Thu nhập khác	Năm 2011	Năm 2010
Thu thanh lý máy móc, thiết bị	545,455	88,181,818
Thu phí hỗ trợ di dời	969,112,721	902,156,358
Cộng	969,658,176	990,338,176
23. Chi phí khác	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí khấu hao nhà xưởng	238,453,346	240,304,992
Cộng	238,453,346	240,304,992
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành	Năm 2011	Năm 2010
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,339,087,560	12,786,780,548
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(435,939,280)	(2,241,863,540)
- Các khoản điều chỉnh tăng	124,060,720	8,136,460
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	22,060,720	8,136,460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2011	01/01/2011
Quỹ đầu tư phát triển	3,526,899,032	3,526,899,032
Quỹ dự phòng tài chính	1,637,807,534	1,130,279,969
Cộng	5,164,706,566	4,657,179,001

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán hàng hóa	198,471,154,579	197,282,468,080
Doanh thu bán thành phẩm	29,075,163,715	26,336,862,784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,701,818,179	1,676,497,384
Cộng	229,248,136,473	225,295,828,248
16. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011	Năm 2010
Chiết khấu thương mại	558,184,127	204,004,362
Hàng bán bị trả lại	35,145,520	92,654,675
Cộng	593,329,647	296,659,037
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn hàng hóa đã bán	193,916,991,980	188,579,595,816
Giá vốn thành phẩm đã bán	20,163,389,762	19,598,483,631
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1,701,818,182	1,767,272,729
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	215,782,199,924	209,945,352,176
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18,288,283	57,883,722
Cổ tức, lợi nhuận được chia	560,000,000	2,250,000,000
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	1,995,000,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,398,360	3,764,379
Doanh thu hoạt động tài chính khác	87,985	-
Cộng	2,575,774,628	2,311,648,101
19. Chi phí tài chính	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền vay	434,464,037	75,148,693
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27,038,700	47,708,588
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3,649,088,000	166,921,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan**a) Tổng tiền lương và thưởng của Ban quản lý công ty.**

	Năm 2011	Năm 2010
Thành viên Hội đồng quản trị	128,700,000	131,833,600
Ban giám đốc	577,039,601	482,182,692

b) Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

	Tỷ lệ góp vốn	Mối quan hệ
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	40.00%	Công ty liên kết
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35.00%	Công ty liên kết
Trường THCS Việt Mỹ	40.00%	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	23.97%	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30.00%	Công ty liên kết
Công ty CP Giấy Toàn Lực	17.66%	Đầu tư dài hạn- cổ đông
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	2.23%	Đầu tư dài hạn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan:

Nội dung giao dịch	Năm 2011
- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	
Phí hỗ trợ di dời ổn định	65,454,540
Thu tiền phí hỗ trợ	201,271,200
Thu lãi từ việc bán cổ phần Công ty CP Giấy Toàn Lực	1,995,000,000
- Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	
Phí hỗ trợ di dời ổn định	903,658,181
Thu tiền phí hỗ trợ	1,496,580,000
- Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ	
Thu tiền mượn	374,000,000
- Công ty CP Thương mại Toàn Lực	
Bán hàng hóa trong năm	92,948,724,286
Cho thuê kho	1,701,818,179
Thu tiền bán hàng, dịch vụ trong năm	65,217,000,000
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	34,341,146,427
Mua hàng hóa trong năm	105,694,823,381
Tiền hàng đã thanh toán	100,366,000,000
Thu tiền cho mượn	500,000,000
Chi tiền cho mượn	500,000,000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	
Bán hàng hóa trong năm	27,872,085,725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thù lao HĐQT	102,000,000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(560,000,000)	(2,250,000,000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(560,000,000)	(2,250,000,000)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	3,903,148,280	10,544,917,008
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	4,826,031,450	-
Thu nhập khác	(922,883,170)	-
4. Thuế TNDN được giảm 30% theo TT154/BTC (*)	361,952,359	-
5. Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	613,834,711	2,636,229,252

(*) Thuế TNDN được giảm 30% được tính trên Thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	17,178,259,466	11,528,018,428
Chi phí nhân công	4,213,291,415	2,771,717,992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275,476,940	244,887,468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,900,000	1,217,448,018
Chi phí khác bằng tiền	1,433,382,307	559,794,335
Cộng	23,124,310,128	16,321,866,241

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3,725,252,849	10,150,551,296
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	3,725,252,849	10,150,551,296
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8,700,000	8,700,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	428	1,226

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành**

Như đã trình bày ở thuyết minh số IV.13, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS 10. Ảnh hưởng như sau:

	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(146,882,984)	-	(146,882,984)
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	(146,882,984)	146,882,984
Cộng	(146,882,984)	(146,882,984)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu tiền bán hàng trong năm	33,917,354,297
Mua hàng hóa trong năm	26,697,172,234
Phí thuê kho CN Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	2,921,818,179
Tiền hàng, phí dịch vụ đã thanh toán	33,369,720,000
- Công ty CP Giấy Toàn Lực	
Bán hàng hóa trong năm	7,072,281,143
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	10,559,083,565
- Công ty CP Mai Lan	
Bán hàng hóa trong năm	70,237,199,518
Thu tiền bán hàng, dịch vụ trong năm	72,538,000,000
Mua hàng hóa trong năm	44,124,636,853
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	15,379,869,072
Tiền hàng, phí dịch vụ đã thanh toán	35,141,000,000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Nội dung giao dịch	31/12/2011
- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông ứng trước tiền hỗ trợ di dời	45,271,200
- Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	
Phải trả tiền mượn	950,000,000
Trường Tiểu học Dân Lập Việt Mỹ ứng trước tiền hỗ trợ di dời	456,092,000
- Trường THCS Việt Mỹ	
Phải trả tiền mượn	974,000,000
- Công ty CP Thương mại Toàn Lực	
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	37,188,211,440
Ứng trước tiền hàng cho Công ty CP Thương mại Toàn Lực	6,465,267,937
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	
Phải trả tiền hàng, dịch vụ cho Công ty CP ĐT PT TM Viễn Đông	12,040,325,917
Công ty CP ĐT PT TM Viễn Đông ứng trước tiền hàng	3,407,400,000
- Công ty CP Giấy Toàn Lực	
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	179,298,488
- Công ty CP Mai Lan	
Phải trả tiền hàng	1,565,875,941
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	624,758,811

Tp. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tổng Giám đốc



BÙI NAM LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHỤ LỤC 1**5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
01/01/2011	4,434,049,288	5,235,700,703	502,514,450	183,732,298	1,115,336,624	11,471,333,363
Mua trong năm	-	130,279,500	-	15,364,000	-	145,643,500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
31/12/2011	4,434,049,288	5,365,980,203	502,514,450	199,096,298	1,115,336,624	11,616,976,863
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2011	2,587,561,168	4,722,068,350	292,427,707	119,166,709	475,209,181	8,196,433,115
Khấu hao trong năm	274,631,522	162,838,268	33,756,765	27,882,856	112,638,672	611,748,083
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
31/12/2011	2,862,192,690	4,884,906,618	326,184,472	147,049,565	587,847,853	8,808,181,198
Giá trị còn lại						
01/01/2011	1,846,488,120	513,632,353	210,086,743	64,565,589	640,127,443	3,274,900,248
31/12/2011	1,571,856,598	481,073,585	176,329,978	52,046,733	527,488,771	2,808,795,665

(*) Ghi chú :

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.725.174.198 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHU LUC 2

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ góp vốn theo Giấy phép ĐKKD	31/12/2011		01/01/2011	
		Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viên Đông (*)	40.00%	-	5,000,000,000	-	791,728,800
Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ (**)	40.00%	80,000	800,000,000	-	-
Trường tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35.00%	87,500	875,000,000	87,500	875,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30.00%	360,000	4,050,000,000	-	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Toàn Lực	23.97%	2,250,000	22,500,000,000	-	-
Cộng			33,225,000,000		1,666,728,800

Ghi chú:

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305072778 của Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viên Đông chứng nhận lần đầu ngày 5/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/8/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viên Đông vào Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viên Đông là 20.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 40%. Tính đến 31/12/2011, vốn thực góp của Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viên Đông là 5.000.000.000 đồng.

(**) Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 04/07/2009 về việc góp vốn thành lập Trường THCS Việt Mỹ, sau khi bàn bạc thảo luận các thành viên HĐQT thống nhất tỷ lệ góp vốn là 40%, tương ứng 4.000.000.000 đồng. Tính đến 31/12/2011, vốn thực góp của Công ty tại Trường THCS Việt Mỹ là 800.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHU LUC 3

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác	Tỷ lệ góp vốn theo	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		31/12/2011	01/01/2011		
Công ty Cổ Phần Đầu tư PT Thương mại Viễn Đông	2.23%	570,170	9,011,289,000	570,170	9,011,289,000
Công ty Cổ Phần Chè Minh Rồng	1.79%	24,300	1,215,000,000	24,300	1,215,000,000
Công ty Cổ Phần Chè Cà Phê Di Linh	0.91%	20,000	600,432,652	20,000	600,432,652
Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực (*)	17.66%	1,695,000	16,950,000,000	1,800,000	18,000,000,000
Công ty Cổ Phần Thương mại Toàn Lực		-	-	2,250,000	22,500,000,000
Công ty Cổ Phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	7.42%	222,579	2,225,790,000	222,579	2,225,790,000
Công ty Cổ Phần In Khánh Hội	12.50%	150,000	1,500,000,000	150,000	1,500,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt		-	-	360,000	4,050,000,000
Cộng		2,682,049	31,502,511,652	5,397,049	59,102,511,652
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-	(6,730,609,000)	-	(3,081,521,000)
Công ty Cổ Phần Đầu tư PT Thương mại Viễn Đông		-	(6,730,609,000)	-	(3,081,521,000)
Tổng cộng		2,682,049	24,771,902,652	5,397,049	56,020,990,652

Ghi chú:

(*) Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 74/HD-CNCP giữa Công ty và bên nhận chuyển nhượng là Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông ngày 15/06/2011 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 15/06/2011, khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực đã được chuyển nhượng một phần quyền lợi và trách nhiệm liên quan cho bên nhận chuyển nhượng. Theo đó, Công ty chỉ còn nắm giữ 17.66% tương ứng 1.695.000 cổ phần của Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHỤ LỤC 4**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	63,000,000,000	-	-	804,922,413	454,059,046	10,072,965,265	74,331,946,724
Tăng vốn trong năm	24,000,000,000	4,800,000,000	-	-	-	-	28,800,000,000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	10,150,551,296	10,150,551,296
Trích lập quỹ từ LN năm 2009	-	-	-	2,721,976,619	676,220,923	(3,398,197,542)	-
Trích lập quỹ KT - PL	-	-	-	-	-	(676,220,924)	(676,220,924)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(6,306,600,000)	(6,306,600,000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	308,053,200	308,053,200
Số dư cuối năm trước	87,000,000,000	4,800,000,000	-	3,526,899,032	1,130,279,969	10,150,551,295	106,607,730,296
Số dư đầu năm nay	87,000,000,000	4,800,000,000	-	3,526,899,032	1,130,279,969	10,150,551,295	106,607,730,296
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3,725,252,849	3,725,252,849
Trích lập quỹ từ LN năm 2010	-	-	-	-	507,527,565	(507,527,565)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ	-	-	(146,882,984)	-	-	-	(146,882,984)
Trích lập quỹ KT - PL	-	-	-	-	-	(101,505,513)	(101,505,513)
Số dư cuối kỳ	87,000,000,000	4,800,000,000	(146,882,984)	3,526,899,032	1,637,807,534	13,266,771,066	110,084,594,648